

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2026/HNGĐ – ST**

Ngày: 25 - 02 - 2026

V/v tranh chấp: hủy kết hôn trái pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. bà Lê Thị Thận;

2. ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2025/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc “hủy kết hôn trái pháp luật”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2026/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969

(tên khác là Nguyễn Thị D, sinh năm: 1972)

Địa chỉ: thôn 6 – Đăng H, xã Phước S, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* ông Bàn Văn Th, sinh năm: 1978

Địa chỉ: thôn 6 – Đăng H, xã Phước S, tỉnh Đồng Nai

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Phước S, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: thôn 4, xã Phước S, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Trần Ngọc C

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 11/10/2004, tại Ủy ban nhân dân xã Đăng H, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước thì bà có sử dụng giấy tờ của em họ mang tên Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972 đăng ký kết hôn với ông Bàn Văn Th, sinh năm: 1978. Khi đăng ký kết hôn thì ông Bàn Văn Th không biết bà sử dụng họ tên của người khác để đăng ký kết hôn với ông. Đến năm 2023 thì nhà nước thực hiện cấp thẻ căn cước công dân thì em họ của bà không thực hiện được nên bà báo với chính quyền địa phương để hủy giấy căn cước công dân của bà và nộp phạt xử phạt hành chính. Nay nhận thấy việc bà sử dụng họ tên người khác để chung sống và đăng ký kết hôn với ông Bàn Văn Th là trái pháp luật nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D, sinh năm: 1972) với ông Bàn Văn Th.

Về con chung: bà và ông Bàn Văn Th có 02 con chung tên Bàn Nguyễn Anh Ch, sinh năm: 2005 và Bàn Nguyễn Kim Ng, sinh năm: 2009. Sau khi giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Nguyễn Kim Ng.

Còn cháu Bàn Nguyễn Anh Ch đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Bàn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án ông Bàn Văn Th trình bày: ông và bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) là vợ chồng. Khi ông và bà Nguyễn Thị H quen biết nhau thì bà Nguyễn Thị H nói tên trong giấy khai sinh và giấy tờ công tác là Nguyễn Thị H, còn tên Hoa là tên thường gọi ở nhà nên khi đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đăng H, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước thì trong giấy chứng nhận kết hôn ghi nhận họ và tên người chồng là Bàn Văn Th; họ và tên người vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972. Khi đăng ký kết hôn ông không biết bà Nguyễn Thị H sử dụng giấy tờ của người khác để đăng ký kết hôn. Nay ông đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D).

Về con chung: có 02 con chung tên Bàn Nguyễn Anh Ch, sinh năm: 2005 và Bàn Nguyễn Kim Ng, sinh năm: 2009. Sau khi giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật ông đồng ý giao cháu Bàn Nguyễn Kim Ng cho bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) nuôi dưỡng.

Còn cháu Bàn Nguyễn Anh Ch đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt

bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 6 Điều 3; khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Bàn Văn Th và bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D). Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 67, ký ngày 11/10/2006 của Ủy ban nhân dân xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai).

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao Bà Nguyễn Kim Ng, sinh năm: 2009 cho bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Bàn Văn Th (là bị đơn) và Ủy ban nhân dân xã Phước S, tỉnh Đồng Nai (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Bàn Văn Th và Ủy ban nhân dân xã Phước S, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28 của Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật “hủy kết hôn trái pháp luật”. Bị đơn ông Bàn Văn Th cư trú tại thôn 6 6 – Đăng H, xã Phước S, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

[2] Xét tính hợp pháp của hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) và ông Bàn Văn Th: bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) đều thừa nhận ông bà chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/10/2004. Bà Nguyễn Thị H thừa nhận tên thật của bà là Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969. Tuy nhiên trong tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống với ông Bàn Văn Th thì bà đã dùng giấy tờ khác tên là Nguyễn Thị D, sinh năm 1972. Sự việc này ông Bàn Văn Th không biết. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) đã có hành vi lừa dối kết hôn. Tại khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Người bị cưỡng ép kết*

hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật này”. Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;” Do đó, có đủ căn cứ xác định việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) và ông Bàn Văn Th là trái pháp luật. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã Phước S, tỉnh Đồng Nai (trước là Ủy ban nhân dân xã Đăng H, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước) có văn bản đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 8 và Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Bàn Văn Th và bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D); Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01/2006 ký ngày 11/10/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đăng H, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân xã Phước S, tỉnh Đồng Nai).

[4] Về con chung: bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) và ông Bàn Văn Th khai nhận ông bà có 02 con chung tên Bàn Nguyễn Anh Ch, sinh ngày: 15/02/2005 và Bàn Nguyễn Kim Ng, sinh ngày: 28/11/2009. Lời khai của bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) và ông Bàn Văn Th phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

[41.] Xét, cháu Bàn Nguyễn Kim Ng chưa thành niên cần sự chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Bàn Nguyễn Kim Ng có nguyện vọng được mẹ (bà Nguyễn Thị H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ông Bàn Văn Th đồng ý với nguyện vọng của cháu Bàn Nguyễn Kim Ng. Do đó, để ổn định môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện, ổn định, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bàn Nguyễn Kim Ng. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) và ông Bàn Văn Th, giao cháu Bàn Nguyễn Kim Ng, sinh ngày: 28/11/2009 cho bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4.2] Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] Đối với Bàn Nguyễn Anh Ch, sinh ngày: 28/11/2009 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, nguyên

đơn bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 3; khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 12; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D).

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Bàn Văn Th và bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D, sinh năm: 1972)

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 67, ký ngày 11/10/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đăng H, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân xã Phước S, tỉnh Đồng Nai)

2. Về con chung: giao cháu Bàn Nguyễn Kim Ng, sinh ngày: 28/11/2009 cho bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bàn Nguyễn Anh Ch, sinh năm: 2005 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (tên khác là Nguyễn Thị D) phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0029886 lập ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2026). Đương sự vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh